

SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG TRỊ
HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN
SÁNG KIẾN, CÔNG NHẬN
PHẠM VI ẢNH HƯỞNG, HIỆU
QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG
KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng 12 năm 2025

Số: /QĐ-HĐ

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xét công nhận sáng kiến,
công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến,
đề tài nghiên cứu khoa học Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN, CÔNG NHẬN PHẠM VI ẢNH HƯỞNG, HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 Quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-HĐ ngày 16/12/2025 của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ Quyết định số 6986/QĐ-SNV ngày 12/12/2025 của Giám đốc Sở Nội vụ Quảng Trị về việc thành lập Hội đồng xét công nhận sáng kiến, công

nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng xét công nhận sáng kiến, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc Sở; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở; Hội đồng xét công nhận sáng kiến, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học Sở và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng TĐKT tỉnh (B/c);
- Các đơn Phòng, Ban, Trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Lê Thị Thanh
Giám đốc Sở Nội vụ

SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG TRỊ
HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN
SÁNG KIẾN, CÔNG NHẬN
PHẠM VI ẢNH HƯỞNG, HIỆU
QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG
KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng xét công nhận sáng kiến, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học
Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐ ngày / 12 /2025 của Hội đồng xét công nhận sáng kiến, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét công nhận sáng kiến, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị (sau đây viết tắt là Hội đồng) và tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, công nhận sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở xét tặng danh hiệu thi đua theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho tập thể, cá nhân thuộc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số, quyết định các vấn đề bằng hình thức bỏ phiếu. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực sáng kiến, đề tài khoa học đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng theo quy định tại Quy chế này. Các cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được xem là hợp lệ. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải gửi ý kiến của mình bằng văn bản cho bộ phận Thường trực Hội đồng để tổng hợp báo cáo trước cuộc họp Hội đồng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

1. Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc Sở Nội vụ: xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học của các cá nhân, tập thể thuộc Sở Nội vụ; tổng hợp, trình Giám đốc Sở Nội vụ quyết định công nhận.

2. Đề xuất nhân rộng các sáng kiến, đề tài khoa học có hiệu quả áp dụng cao và có khả năng nhân rộng cao, phạm vi ảnh hưởng rộng để các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc Sở nghiên cứu học tập và áp dụng.

3. Chủ tịch Hội đồng và Phó Chủ tịch Hội đồng được sử dụng con dấu của cơ quan Sở Nội vụ để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

a) Chỉ đạo mọi hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng.

b) Chỉ đạo tổ chức đánh giá, xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học của các cá nhân, tập thể thuộc Sở Nội vụ.

c) Chủ trì và kết luận các phiên họp của Hội đồng.

d) Ký ban hành các văn bản của Hội đồng.

e) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch giải quyết các công việc của Hội đồng khi Chủ tịch vắng mặt.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng

a) Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng trong công tác đánh giá, xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc Cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học của các cá nhân, tập thể thuộc Sở Nội vụ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng theo quy định.

b) Tham gia đánh giá, xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học của các cá nhân, tập thể thuộc Sở Nội vụ; cho ý kiến vào phiếu biểu quyết khi Hội đồng không họp và gửi về cơ quan thường trực của Hội

đồng.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Chủ tịch Hội đồng phân công hoặc ủy quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng

a) Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng theo quy định.

b) Tham gia đánh giá, xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học của các cá nhân, tập thể thuộc Sở Nội vụ; cho ý kiến vào phiếu biểu quyết khi Hội đồng không họp và gửi về cơ quan thường trực của Hội đồng.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên kiêm Thư ký Hội đồng

a) Tổng hợp hồ sơ đề nghị xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc Cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học của các cá nhân, tập thể thuộc Sở Nội vụ; chuẩn bị tài liệu, điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng theo quy định.

b) Dự thảo kết luận và biên bản các kỳ họp của Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng; phục vụ hoạt động của Hội đồng theo yêu cầu.

c) Quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng; tổng hợp, theo dõi, báo cáo định kỳ theo quy định.

Điều 5. Chế độ làm việc của Hội đồng

1. Thành viên Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, theo quy chế hoạt động và phân công của Chủ tịch Hội đồng.

2. Hội đồng họp định kỳ 01 năm 01 lần, khi cần thiết tổ chức họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Trường hợp đặc biệt không tổ chức được cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng bằng văn bản.

3. Căn cứ nội dung từng kỳ họp của Hội đồng, trường hợp cần thiết Hội đồng mời chuyên gia hoặc đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan đến lĩnh vực, nội dung của các sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để tham gia thảo luận, đánh giá, xét công nhận sáng kiến của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Văn phòng Sở Nội vụ; xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học. Chuyên gia, đại diện được mời không có quyền biểu quyết tại phiên họp.

CHƯƠNG III

XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Hội đồng công nhận sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên và Ủy viên thư ký theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 7. Hồ sơ công nhận sáng kiến

- Đơn đề nghị công nhận sáng kiến (*theo mẫu số 1 kèm theo Quy chế này*)
- Báo cáo sáng kiến (*theo mẫu số 2 kèm theo Quy chế này*).
- Các tài liệu liên quan đến sáng kiến (nếu có).

Điều 8. Tiêu chí và thang điểm công nhận sáng kiến

1. Đối tượng được xét công nhận sáng kiến: gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới;
- b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại đơn vị và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;
- c) Tác giả, đồng tác giả sáng kiến là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Người được công nhận sáng kiến là tác giả/đồng tác giả sáng kiến có tỷ lệ đóng góp lao động sáng tạo tối thiểu là 30% cho việc tạo ra sáng kiến, đồng thời phải được sự đồng thuận của nhóm tác giả;
- d) Không trái với trật tự công cộng, đạo đức xã hội và quyền sở hữu trí tuệ.

2. Các tiêu chí xét công nhận sáng kiến

a) Tính mới và sáng tạo

Sáng kiến được đánh giá là mới đối với một đơn vị nếu trong phạm vi đơn vị nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc ngày áp dụng sáng kiến (tính theo ngày nào sớm hơn), sáng kiến đó đáp ứng các yêu cầu sau:

- Không trùng với nội dung của sáng kiến đã đề nghị xét công nhận nộp trước.
- Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được. Sáng kiến được coi là chưa bị bộc lộ công khai nếu giải pháp đó chưa được biết đến và chưa có giải pháp

nào của người khác trùng với giải pháp đó được mô tả trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

- Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

b) Hiệu quả áp dụng của sáng kiến

Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử nghiệm và được chứng minh là mang lại hiệu quả cao hơn so với các giải pháp trước đó đã áp dụng, là những lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp thu được, hoặc tác động đến việc tạo ra những lợi ích về cải thiện điều kiện làm việc, công tác; nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động; hình thành chủ trương, quy trình, quy chuẩn, quy phạm mới hoặc có nội dung, cách làm cải tiến, đổi mới so với quy trình thực hiện cũ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công việc hoặc các lợi ích khác trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực nội vụ...

c) Khả năng nhân rộng của sáng kiến

Sáng kiến được đánh giá có mức độ thực hiện và khả năng triển khai, áp dụng trong hoạt động công tác của cá nhân, đơn vị cùng lĩnh vực, cùng ngành,... trong thực tế đạt hiệu quả. Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử nghiệm, hoặc chứng minh là mang lại hiệu quả thiết thực, có khả năng mở rộng để áp dụng ở nhiều đơn vị khác.

3. Thang điểm và phương pháp đánh giá

Tổng số điểm là 100 điểm; cách tính điểm được quy định như sau:

a) Thang điểm đánh giá

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn</i>	<i>Điểm</i>
1	Phần mở đầu	10 điểm
	- Tên sáng kiến: Thể hiện đúng chủ đề, nội dung thuộc lĩnh vực công tác;	5 điểm
	- Sự cần thiết: Nêu được lý do chọn sáng kiến, mục đích, đối tượng, phạm vi áp dụng sáng kiến.	5 điểm
2	Tính mới và sáng tạo	20 điểm
	- Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên.	15 - 20
	- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá.	08 - 14
	- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình.	01 - 07
	- Không có tính mới và sáng tạo.	0
3	Tính hiệu quả áp dụng	30 điểm

	- Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội cao.	20 - 30
	- Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội với mức độ khá.	10 - 19
	- Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội với mức độ trung bình.	01 - 9
	- Không hiệu quả.	0
4	Khả năng nhân rộng	30 điểm
	- Khả năng nhân rộng cao trong đơn vị hoặc toàn tỉnh.	20 - 30
	- Khả năng nhân rộng mức độ khá trong đơn vị hoặc toàn tỉnh.	10 - 19
	- Khả năng nhân rộng mức độ trung bình trong đơn vị hoặc toàn tỉnh.	01 - 9
	- Không có khả năng nhân rộng.	0
5	Hình thức trình bày sáng kiến	10 điểm
	- Trình bày rõ ràng, sáng tạo, dễ hiểu	5 điểm
	- Ngôn ngữ trong sáng, có số liệu, tư liệu minh họa	5 điểm

b) Phương pháp đánh giá

- Thành viên Hội đồng đánh giá sáng kiến bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định. Phiếu hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng tiêu chí đánh giá; Số điểm được làm tròn cho từng tiêu chí (không có điểm số thập phân). Điểm số của các thành viên Hội đồng chấm không lệch nhau quá 10 điểm trên tổng điểm của cả 5 tiêu chí, trường hợp không thống nhất, Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định.

- Sáng kiến được đánh giá Đạt khi đảm bảo các điều kiện sau:

- + Sáng kiến có tổng số điểm đạt từ 50 điểm trở lên;
- + Điểm các tiêu chí thành phần đạt từ 50% mức điểm trở lên.

c) Đánh giá, xếp loại

- Xuất sắc: Có số tổng điểm trung bình đạt từ 80 trở lên;
- Khá: Có tổng số điểm trung bình đạt từ 65 đến dưới 80;
- Trung bình: Có tổng số điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 65;

Điều 9. Quy trình xét công nhận sáng kiến

1. Người đứng đầu đơn vị có thẩm quyền công nhận sáng kiến thành lập Hội đồng công nhận sáng kiến;

2. Hội đồng công nhận sáng kiến tổ chức họp để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận:

a) Thư ký Hội đồng thông báo nội dung chương trình làm việc; thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên;

b) Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá giải pháp và chấm điểm;

c) Hội đồng công nhận sáng kiến tiến hành thống nhất điểm theo tiêu chí; Các thành viên Hội đồng biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng kết luận;

d) Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến; thực hiện thủ tục trình người đứng đầu đơn vị quyết định công nhận hoặc thông báo từ chối công nhận sáng kiến.

Chương IV

XÉT CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN; HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC

Điều 10. Hội đồng xét công nhận công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Giám đốc Sở xem xét, ra quyết định công nhận.

2. Hội đồng công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học cơ sở gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các ủy viên Hội đồng, Ủy viên Thư ký theo quyết định của Giám đốc Sở.

3. Giám đốc Sở căn cứ hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học để khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho các cá nhân thuộc Sở Nội vụ.

Điều 11. Tiêu chí và thang điểm đánh giá, xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Sáng kiến đủ điều kiện xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong phạm vi Sở Nội vụ hoặc toàn tỉnh phải đạt các tiêu chí sau:

a) Có tính mới và sáng tạo

Một sáng kiến được coi là có tính mới và sáng tạo trong phạm vi Sở hoặc toàn tỉnh nếu tính đến trước ngày nộp hồ sơ đề nghị xét, công nhận công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Không trùng với nội dung của sáng kiến đã đề nghị xét công nhận công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng nộp trước.

- Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được. Sáng kiến được coi là chưa bị bộc lộ công khai trong phạm vi cơ sở, nếu giải pháp đó chưa được biết đến và chưa có giải pháp nào của người khác trùng với giải pháp đó được mô tả trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong cơ sở đó, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

- Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng

thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

b) Hiệu quả áp dụng của sáng kiến

Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử nghiệm, sản xuất thử và được chứng minh là mang lại hiệu quả cao hơn so với các giải pháp trước đó đã áp dụng:

+ Về hiệu quả kinh tế: Là những lợi ích kinh tế trực tiếp có thể thu được hoặc tác động trực tiếp đến việc tạo ra lợi ích xã hội do áp dụng những sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động, công tác, tiết kiệm về thời gian, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh...

+ Về hiệu quả xã hội: Được thể hiện dưới dạng cải thiện đời sống, cải thiện điều kiện làm việc, công tác; nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, quản lý giáo dục và đào tạo; bảo đảm an ninh trật tự, góp phần đấu tranh chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội...

- Về hiệu quả khác: Hình thành chủ trương, quy trình, quy chuẩn, quy phạm mới hoặc có nội dung, cách làm cải tiến, đổi mới so với quy trình thực hiện cũ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công việc.

c) Khả năng nhân rộng của sáng kiến

Sáng kiến được đánh giá có khả năng nhân rộng khi sáng kiến đã được áp dụng vào thực tế hoặc có khả năng áp dụng ở nhiều bộ phận, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nội vụ hoặc trên địa bàn tỉnh.

2. Thang điểm đánh giá

Tổng số điểm là 100 điểm và cách tính điểm như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Điểm
1	Tính mới và sáng tạo	20 điểm
	- Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên.	15 - 20
	- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá.	08 - 14
	- Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình.	01 - 07
	- Không có tính mới và sáng tạo.	0
2	Tính hiệu quả áp dụng	40 điểm
	- Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội cao.	30 - 40
	- Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội với mức độ khá.	15 - 29
	- Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội với mức độ trung bình.	01 - 14

	- Không hiệu quả.	0
3	Khả năng nhân rộng	40 điểm
	- Khả năng nhân rộng cao trong đơn vị hoặc toàn tỉnh.	30 - 40
	- Khả năng nhân rộng mức độ khá trong đơn vị hoặc toàn tỉnh.	15 - 29
	- Khả năng nhân rộng mức độ trung bình trong đơn vị hoặc toàn tỉnh.	01 - 14
	- Không có khả năng nhân rộng.	0

Điều 12. Tiêu chí và thang điểm đánh giá, xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học

1. Tiêu chí đánh giá

a) Tính khoa học, tính mới

Tính khoa học thể hiện ở việc đề tài khoa học phải gắn với một khuôn khổ lý thuyết, cơ sở lý luận và thực tiễn rõ ràng.

Đề tài khoa học có tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm nghiên cứu.

b) Hiệu quả áp dụng

Đề tài khoa học được áp dụng vào thực tiễn và mang lại hiệu quả; góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội; tiết kiệm chi phí sản xuất; nâng cao năng suất lao động; giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; làm chuyển biến nhận thức của xã hội hoặc tác động quan trọng đến đời sống xã hội, nâng cao dân trí, thay đổi tích cực hành vi ứng xử của nhóm, tầng lớp trong xã hội hoặc được sử dụng để phục vụ cho công tác nghiên cứu và đào tạo đại học, sau đại học.

c) Phạm vi ảnh hưởng

Đề tài khoa học được đánh giá ở mức độ thực hiện và khả năng triển khai trong hoạt động công tác của cá nhân, cơ quan, đơn vị và có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Thang điểm đánh giá

Tổng số điểm là 100 điểm và cách tính điểm như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Điểm
1	Tính mới và tính khoa học	20 điểm
	- <i>Tính khoa học</i>	
	+ Có tính khoa học cao	06 - 08
	+ Có tính khoa học mức độ khá	04 - 05
	+ Có tính khoa học mức độ trung bình	01 - 03
	+ Không có tính khoa học	0
	- <i>Tính mới và sáng tạo</i>	
	+ Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	09 - 12

	+ Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá + Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình + Không có tính mới và sáng tạo	05 - 08 01 - 04 0
2	Hiệu quả áp dụng	40 điểm
	- <i>Tính thực tiễn</i> + Có tính thực tiễn cao + Có tính thực tiễn mức độ khá + Có tính thực tiễn mức độ trung bình + Không có tính thực tiễn - <i>Hiệu quả áp dụng</i> + Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội cao + Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội với mức độ khá + Có hiệu quả kinh tế hoặc lợi ích xã hội với mức độ trung bình + Không hiệu quả	08 - 10 04 - 07 01 - 03 0 20 - 30 10 - 19 01 - 09 0
3	Phạm vi ảnh hưởng	40 điểm
	- Phạm vi ảnh hưởng lớn trong đơn vị hoặc tỉnh hoặc toàn quốc - Phạm vi ảnh hưởng mức độ khá trong đơn vị hoặc tỉnh hoặc toàn quốc - Phạm vi ảnh hưởng mức độ trung bình trong đơn vị hoặc tỉnh hoặc toàn quốc - Không có phạm vi ảnh hưởng.	30 - 40 15 - 29 01 - 14 0

Điều 13. Phương pháp đánh giá

- Thành viên Hội đồng đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định. Phiếu hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng tiêu chí đánh giá; Số điểm được làm tròn cho từng tiêu chí (không có điểm số thập phân). Điểm số của các thành viên Hội đồng chấm không lệch nhau quá 10 điểm trên tổng điểm của cả 3 tiêu chí, trường hợp không thống nhất, Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định.

Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học được đánh giá Đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có số tổng điểm trung bình đạt từ 50 điểm trở lên;
- + Điểm các tiêu chí thành phần đạt từ 50% mức điểm trở lên.

c) Đánh giá, xếp loại

- Xuất sắc: Có số tổng điểm trung bình đạt từ 80 trở lên;
- Khá: Có tổng số điểm trung bình đạt từ 65 đến dưới 80;
- Trung bình: Có tổng số điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 65.

Điều 14. Các trường hợp đặc cách công nhận

Các trường hợp được đặc cách sau đây không phải qua đánh giá mà Hội đồng tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định công nhận, gồm:

- Đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đã được nghiệm thu mức đạt trở lên.

- Các sáng kiến đạt giải trong các cuộc thi gồm:

- + Đạt giải nhất, nhì, ba trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Trị.

- + Đạt giải trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc.

- + Được tặng Bằng Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- + Được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- + Các sáng chế và giải pháp hữu ích đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Bằng độc quyền.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học

1. Đối với sáng kiến

- Tờ trình đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị kèm theo danh sách tác giả, đồng tác giả có ghi rõ tỷ lệ đóng góp (*Theo mẫu số 3 kèm theo Quy chế này*);

- Quyết định công nhận sáng kiến (Bản sao);

- Báo cáo hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến (*Theo mẫu số 4 kèm theo Quy chế này*);

- Các chứng cứ áp dụng: các bản đánh giá, nhận xét, tài liệu minh chứng về hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến...(nếu có);

2. Đối với đề tài khoa học

- Tờ trình đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị kèm theo danh sách tác giả, đồng tác giả có ghi rõ tỷ lệ đóng góp (*Theo mẫu số 3 kèm theo Quy chế này*);

- Báo cáo đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (bản sao);

- Báo cáo hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học (*Theo mẫu số 4 kèm theo Quy chế này*);

- Văn bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên thực hiện đề tài khoa học (bản sao);

- Biên bản nghiệm thu đề tài khoa học mức đạt trở lên (bản sao);

- Các bằng chứng chứng minh đề tài khoa học đã được áp dụng trong thực tiễn

- Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học ở mức đạt trở lên (bản sao);

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ giấy và 01 bộ hồ sơ số hóa (*dưới dạng tập tin PDF, nếu có nhiều loại tập tin thì đóng gói dưới dạng tập tin Zip, Rar*) gửi lên hệ thống quản lý văn bản.

Điều 16. Quy trình xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học

1. Tiếp nhận hồ sơ

- Các đơn vị gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng (*tại Văn phòng Sở*)
 - Thường trực Hội đồng tổng hợp, phân loại, thẩm định các điều kiện về hồ sơ

2. Hội đồng họp đánh giá, xét công nhận

- Thư ký Hội đồng đăng ký lịch họp và gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng.

- Hội đồng họp đánh giá, xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học trong phạm vi cơ sở dựa trên thang điểm đánh giá theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Quy chế này.

3. Căn cứ Biên bản kết quả đánh giá của Hội đồng, Thư ký Hội đồng dự thảo Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học trong phạm vi cơ sở trình Giám đốc Sở quyết định công nhận.

Điều 17. Thời gian tiếp nhận hồ sơ

Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học trong phạm vi cơ sở: ***Từ ngày 15/11 đến ngày 30/11 hàng năm.***

Điều 18. Việc xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện theo kèm theo Quyết định số 64/QĐ-HĐ ngày 16/12/2025 của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các Hội đồng công nhận sáng kiến các đơn vị, Hội đồng công nhận hiệu

quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học Sở và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

2. Các văn bản dẫn chiếu trong Quy chế này nếu có văn bản thay đổi của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản đó.

3. Văn phòng Sở phối hợp với các Hội đồng công nhận sáng kiến đơn vị hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân liên quan có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở xem xét./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng công nhận sáng kiến⁽¹⁾

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)
1						
2						
...						

- Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến⁽²⁾:
- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến⁽³⁾:
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử (ghi ngày nào sớm hơn):
- Mô tả bản chất của sáng kiến⁽⁴⁾:
- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:
- Đánh giá được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả⁽⁵⁾:
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể được áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, các nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có)⁽⁶⁾:

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn cảnh chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

Người nộp đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên đơn vị được yêu cầu công nhận sáng kiến.

(2) Tên của sáng kiến.

(3) Một trong các lĩnh vực nơi tác giả đang công tác.

(4) Cần nêu rõ các nội dung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/BKHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến.

(5) Đánh giá lợi ích thu được theo hướng dẫn quy định tại điểm g khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/ BKHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến.

(6) Đánh giá lợi ích thu được theo hướng dẫn quy định tại điểm g khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/BKHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO SÁNG KIẾN**

Kính gửi: Hội đồng công nhận sáng kiến (đơn vị có pháp nhân quản lý tác giả sáng kiến: Khối VP Sở, Ban Thi đua - Khen thưởng, Trung tâm thuộc Sở)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên sáng kiến:.....

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:.....

3. Tác giả:

- Họ và tên:.....Nam (nữ) - Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn:..... - Điện thoại:.....Email...

- Chức vụ, đơn vị công tác:.....

- Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến: ...%

Đồng tác giả 1 (nếu có)

- Họ và tên:.....Nam (nữ) - Năm sinh :

- Trình độ chuyên môn:..... - Điện thoại:.....Email...

- Chức vụ, đơn vị công tác:.....

- Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến: ...%

Đồng tác giả 2 (nếu có)

- Họ và tên:.....Nam (nữ) - Năm sinh :

- Trình độ chuyên môn:..... - Điện thoại:.....Email...

- Chức vụ, đơn vị công tác:.....

- Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến: ...%

(Trường hợp có đồng tác giả thì phải có ghi rõ tỷ lệ đóng góp lao động sáng tạo cho sáng kiến và có ký tên xác nhận của từng người trong danh sách đồng tác giả).

4. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền sáng kiến, những thông tin nêu theo báo cáo này là sự thật.

ĐỒNG TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên và tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến)

Quảng Trị, ngày...tháng...năm.....

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
NƠI TÁC GIẢ SÁNG KIẾN CÔNG**

TÁC/ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

(Xác nhận, Ký tên, đóng dấu)

II. PHẦN NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Thực trạng của giải pháp đã biết (nêu hiện trạng trước khi áp dụng giải pháp mới; phân tích ưu nhược điểm của giải pháp cũ để cho thấy sự cần thiết của việc đề xuất giải pháp mới nhằm khắc phục nhược điểm của giải pháp cũ)

2. Nội dung giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến

a) Mục đích của giải pháp (Nêu vấn đề cần giải quyết)

b) Nội dung giải pháp (nêu cách thức thực hiện, các bước thực hiện của giải pháp mới một cách cụ thể, rõ ràng cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp và những ưu, nhược điểm của giải pháp mới (nếu có))

3. Đánh giá về sáng kiến được tạo ra

a) Tính mới

- Mô tả những điểm mới cơ bản của giải pháp mới, tính ưu việt hơn so với giải pháp sẵn có; khẳng định tính sáng tạo về mặt khoa học và thực tiễn (tác giả tự nghiên cứu, chưa được công bố, phổ biến, áp dụng chính thống).

Yêu cầu: Phải có số liệu so sánh hoặc các luận cứ chứng minh được tính mới, tính sáng tạo của giải pháp mới.

b) Hiệu quả áp dụng:

- Hiệu quả kinh tế: Đánh giá hiệu quả kinh tế của sáng kiến thông qua số tiền làm lợi sau một năm áp dụng sáng kiến (đối với các giải pháp có đầu tư kinh phí hoặc xác định được chi phí).

- Hiệu quả xã hội: Đánh giá hiệu quả xã hội của việc áp dụng sáng kiến: Là những tác động từ việc áp dụng sáng kiến đến việc tăng năng suất, hiệu quả công tác, nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, cộng đồng, tạo ra hướng mới cho tương lai...

Yêu cầu: Phải có số liệu so sánh hoặc các luận cứ chứng minh được hiệu quả của giải pháp mới so với giải pháp cũ.

c) Phạm vi áp dụng của sáng kiến

- Sáng kiến này đã được áp dụng/hoặc áp dụng thử hay chưa? ở đâu?

- Nêu lĩnh vực mà sáng kiến có thể áp dụng: quản lý hành chính, chuyên môn nghiệp vụ,...

- Điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến đó: để áp dụng sáng kiến này cần phải đảm bảo điều kiện gì?

- Nêu rõ phạm vi có thể áp dụng sáng kiến: sáng kiến này có thể áp dụng trong cơ quan, địa phương, ngành hay toàn tỉnh hay toàn quốc.

III. PHẦN KẾT LUẬN

1. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình áp dụng sáng kiến. (nếu có)

2. Những kiến nghị, đề xuất điều kiện để triển khai, ứng dụng sáng kiến vào thực tiễn. (nếu có)

Tên Cơ quan/Tổ chức **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:/..... **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

Kính gửi:

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 Quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ.....

.....(tên tổ chức).....đề nghị xem xét, trình Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (Có danh sách và hồ sơ kèm theo).

Đầu mối liên hệ ông/bà....., số điện thoại...

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

DANH SÁCH
SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ĐỀ ÁN KHOA HỌC, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ KHẢ NĂNG
NHÂN RỘNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG NĂM
Kèm theo Tờ trình số.....ngày...../.../...của (Tên tổ chức)

I. Danh sách sáng kiến

STT	Tên sáng kiến	Tác giả (đồng tác giả)	Chức vụ, đơn vị công tác/ địa chỉ	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả (nếu có))	Đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng
01					toàn quốc
02					trên địa bàn tỉnh
03					
04					
05					

II. Danh sách đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN

STT	Tên đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN	Tác giả (đồng tác giả)	Chức vụ, đơn vị công tác/ địa chỉ	Đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng
01				
02				
03				
04				
05				

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

**Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh
hoặc toàn quốc để xét tặng.....²**

A. Thông tin chung:

1. Tên sáng kiến: .

.....
.....

2. Họ và tên tác giả sáng kiến:

3. Họ và tên đồng tác giả sáng kiến:

- Ông (bà): Nơi làm việc:

.....

- Ông (bà): Nơi làm việc:

.....

4. Văn bản công nhận sáng kiến

- Quyết định công nhận sáng kiến/Giấy chứng nhận sáng kiến số
ngày tháng năm của

5. Nội dung, bản chất sáng kiến:

Trình bày tóm tắt nội dung, mô tả bản chất của giải pháp đã được công nhận là sáng kiến tại Quyết định công nhận sáng kiến hoặc Giấy chứng nhận sáng kiến.

.....

B. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Địa chỉ áp dụng (nêu rõ tên cơ quan, đơn vị, địa phương đã áp dụng):

.....

2. Thời gian áp dụng: Từ ngày / ... / ... đến ngày / ... / ...

3. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

Mô tả, phân tích, đánh giá sự tác động của việc áp dụng sáng kiến đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ (ví dụ nâng cao năng suất lao động; giảm chi phí sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;

² Tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

nâng cao hiệu quả kỹ thuật; nâng cao điều kiện an toàn lao động; cải thiện điều kiện sống, làm việc; bảo vệ môi trường, sức khỏe con người; ...).

a) Sự tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc cơ sở nơi nhận chuyển giao³. *(nếu sáng kiến đồng thời được áp dụng tại cơ quan, đơn vị và chuyển giao cho cơ quan, đơn vị, địa phương khác thì trình bày cả hai mục a1 và a2; nếu chỉ áp dụng tại cơ quan, đơn vị, địa phương thì trình bày tại mục a1).*

- Tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của bộ phận, cơ quan, đơn vị, địa phương:

.....

- Tác động đến hoạt động của cơ sở nơi nhận chuyển giao.

b) Sự tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh (trong toàn quốc)

.....

c) Khả năng nhân rộng của sáng kiến

.....

Trên đây là báo cáo hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc của sáng kiến để làm căn cứ xét tặng

Tác giả sáng kiến

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ⁴
(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

Ký, ghi rõ họ tên

³ Nội dung bắt buộc phải trình bày đối với cả hai cấp (trên địa bàn tỉnh và toàn quốc)

⁴Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc để xét tặng.....⁵

A. Thông tin chung:

1. Tên đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ:

.....
.....

2. Họ và tên tác giả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN: .

3. Họ và tên đồng tác giả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN:

- Ông (bà): Nơi làm việc:

.....

- Ông (bà): Nơi làm việc:

.....

4. Văn bản công nhận kết quả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN

- Quyết định hoặc biên bản nghiệm thu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ ở mức đạt trở lên sốngày thángnăm .. của...

5. Nội dung, bản chất kết quả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ:

Trình bày tóm tắt nội dung, mô tả kết quả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và công nhận tại Quyết định công nhận kết quả.

.....

B. Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của kết quả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

1. Địa chỉ áp dụng (nêu rõ tên cơ quan, đơn vị, địa phương đã áp dụng):

.....

⁵ Tên danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thời gian áp dụng: Từ ngày/.../... đến ngày....../....../...

3. Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của kết quả đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

Mô tả, phân tích, đánh giá sự tác động của việc áp dụng đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ (*ví dụ nâng cao năng suất lao động; giảm chi phí sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; nâng cao hiệu quả kỹ thuật; nâng cao điều kiện an toàn lao động; cải thiện điều kiện sống, làm việc; bảo vệ môi trường, sức khỏe con người; ...*).

a) Sự tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc cơ sở nơi nhận chuyển giao⁶. (*nếu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đồng thời được áp dụng tại cơ quan, đơn vị và chuyển giao cho cơ quan, đơn vị, địa phương khác thì trình bày cả hai mục a1 và a2; nếu chỉ áp dụng tại cơ quan, đơn vị, địa phương thì trình bày tại mục a1*).

- Tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của bộ phận, cơ quan, đơn vị, địa phương:

.....

- Tác động đến hoạt động của cơ sở nơi nhận chuyển giao.

.....

b) Sự tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh (trong toàn quốc)

.....

c) Phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ

.....

Trên đây là báo cáo hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng

**Tác giả đề tài khoa học, đề án
khoa học, công trình KH&CN**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ⁷
(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

Ký, ghi rõ họ tên

⁶ Nội dung bắt buộc phải trình bày đối với cả hai cấp (trên địa bàn tỉnh và toàn quốc)

⁷Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.